TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST Ngày: 10/5/2018 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”	*Giồng Riềng, ngày 18 tháng 9 năm 2017*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Lê Văn Hồng Chinh
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Phùng Như.
2. Bà Trần Ngọc Điệp.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang*: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng*.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2017 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐST-HN, ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ái V, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2017 và trong quá trình giải quyết tại Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn C tự tìm hiểu nhau và kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện R, tỉnh Kiên Giang. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến khoản tháng 06/2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh C không lo làm ăn mà thường ăn chơi, rượu chè bê tha, thường xuyên tham gia đánh số đề, làm được bao nhiêu thì anh đánh đề hết bấy nhiêu làm cho nợ nần chồng chất.

Nghiêm trọng hơn anh còn hành hạ đánh đập chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không khả năng hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh, chị có hai người con chung tên là Võ Anh T, sinh ngày 24/7/2009 và Võ Trung H, sinh ngày 13/4/2014 hiện nay cháu T đang sống chung với anh C, cháu H đang sống chung chị. Chị đồng ý giao T cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị tiếp tục nuôi cháu H, anh chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/8/2017 anh C công nhận lời trình bày của chị V về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng. Nhưng anh C chưa muốn ly hôn với chị V. Nếu Tòa cho anh ly hôn anh có nguyện vọng nuôi hai con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Võ Anh T có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn Cháu tiếp tục sống với cha.

Tại phiên tòa, chị V yêu cầu ly hôn với anh C, giao cho anh C tiếp tục nuôi cháu Võ Anh T, sinh ngày 24/7/2009, chị tiếp tục nuôi cháu Võ Trung H, sinh ngày 13/4/2014. Anh chị không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C đồng ý ly hôn với chị V và có nguyện vọng nuôi hai cháu là Võ Anh T, sinh ngày 24/7/2009 và Võ Trung H, sinh ngày 13/4/2014. Hoặc anh tự nguyện giao cho chị V nuôi cả hai cháu, nếu chị V nuôi hai cháu anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Phát biểu của kiểm sát viên:

Về thủ tục: việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt nội dung phân tích vụ án và đề nghị. Chị Nguyễn Thị Ái V và anh Võ Văn C có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C huyện R, anh chị chung sống có hai người con là Võ Anh T, sinh ngày 24/7/2009 và Võ Trung H, sinh ngày 13/4/2014, Anh C đang nuôi cháu T đúng như nguyện vọng cháu, chị V đang nuôi cháu H về thực tế điều kiện sống hai cháu hiện nay ổn định phù hợp

nguyện vọng của các cháu. Đề nghị HĐXX ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị V và anh C, con chung tiếp tục giao cho chị V nuôi cháu H anh C nuôi cháu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

Chị Nguyễn Thị Ái V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Võ Văn C nên quan hệ tranh chấp của vụ kiện là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp N, xã C, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Kiên Giang.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh C tự tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C huyện R, tỉnh Kiên Giang, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp đúng theo quy định tại khoản 1 điều 9 Luật HNGĐ.

[2.2]. Xét quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tự hòa giải được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2015 đến nay, nhưng chưa có biểu hiện hàn gắn lại. Tại phiên tòa hôm nay chị V cương quyết xin ly hôn với anh C, anh C củng đồng ý ly hôn. Nên HĐXX căn cứ vào điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giửa anh chị.

[2.3]. Về con chung: Chị V và anh C xác định: anh, chị có hai người con chung tên là Võ Anh T, sinh ngày 24/7/2009 và Võ Trung H, sinh ngày 13/4/2014 hiện nay cháu T đang sống chung với anh C, cháu H đang sống với chị V, chị V có nguyện vọng tiếp tục cho hai cháu sống chung anh chị như hiện nay, xét thấy yêu cầu của chị V phù hợp nguyện vọng hai cháu và cũng ổn định tâm lý cho các cháu tránh xáo trộn cuộc sống bình thường, phù hợp quy định tại đều 81 Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị.

Anh C yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, nếu không được anh đồng ý giao cho chị V nuôi hai đứa. Xét thấy yêu cầu của anh không đúng pháp luật không phù hợp thực tế vì cháu T có nguyện vọng tiếp tục sống với anh sau khi anh chị ly

hôn, còn cháu H mặc dù chưa đủ 7 tuổi nhưng cháu có nguyện vọng sống với chị V và hiện nay cuộc sống của cháu đang ổn định. Nên HĐXX không có căn cứ pháp luật chấp nhận yêu cầu nầy của anh. Chị V và anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 điều 82 Luật HNGĐ.

[2.4]. Về tài sản chung: Anh, chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5]. Về nợ chung: Anh, chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị V có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh C nên phải chịu án phí dân sợ sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008097 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện R.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các điều: khoản 1 Điều 9; Điều 55, Điều 81 và khoản 3 Điều 82 luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ái V anh Võ Văn C.

2. Về con chung: Xử giao cho V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Trung H, sinh ngày 13/4/2014 cho đến khi trưởng thành, anh C tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Anh T, sinh ngày 24/7/2009 cho đến khi trưởng thành. Chị V và anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: do các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét (*Trừ trường hợp thay đổi người nuôi con)*.

3. Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sợ sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008097 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho chị V và anh C biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10 tháng 5 năm 2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh

* Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu.